**30 CÂU HỎI – ĐÁP VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI**

**Câu 1: Thời gian gần đây tôi được biết, hoạt động kinh doanh, thương mại đang có chiều hướng gia tăng về số lượng tranh chấp, tính chất ngày càng phức tạp. Do đó, bên cạnh phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, một trong các phương thức được các bên tranh chấp quan tâm lựa chọn là sử dụng phương thức hòa giải thương mại. Xin hỏi, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại quy định như thế nào về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng?**

**Trả lời:**

Điều 1 của Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ (Nghị định 22/2017/NĐ-CP) quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

1. Nghị định này quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại.

Việc các bên tranh chấp tự hòa giải hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không phải là hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định này làm trung gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

 2. Nghị định này áp dụng đối với hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về hòa giải thương mại và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại.

**Câu 2: Ông H đang chuẩn bị thành lập doanh nghiệp. Ông tìm hiểu thì được biết trong hoạt động sản xuất kinh doanh thường xảy ra các tranh chấp mà một trong các phương thức giải quyết có hiệu quả, bảo đảm bí mật kinh doanh và giữ được quan hệ làm ăn là qua hòa giải thương mại. Ông muốn biết pháp luật quy định về phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại được áp dụng trong phạm vi sau:

1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.

2. Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

**Câu 3: Công ty của anh P đang có tranh chấp thương mại với một doanh nghiệp. Anh P muốn giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại. Anh muốn biết hòa giải thương mại là gì? Pháp luật quy định có các hình thức hòa giải thương mại nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thoả thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này. Hiện có 02 hình thức hòa giải sau đây:

1. Hòa giải thương mại quy chế là hình thức giải quyết tranh chấp tại một tổ chức hòa giải thương mại theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và Quy tắc hòa giải của tổ chức đó.

2. Hòa giải thương mại vụ việc là hình thức giải quyết tranh chấp do hòa giải viên thương mại vụ việc được các bên lựa chọn tiến hành theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và thỏa thuận của các bên.

**Câu 4: Tôi xin hỏi, nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 4 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại như sau:

1. Các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

2. Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba.

**Câu 5: Để khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng hòa giải thương trong giải quyết tranh chấp thương mại, Nhà nước có chính sách gì hòa giải thương mại?**

**Trả lời:**

Điều 5 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định chính sách về hòa giải thương mại như sau:

1. Khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thương mại và các tranh chấp khác mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực tham gia hoạt động hòa giải thương mại, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại.

**Câu 6: Doanh nghiệp A và doanh nghiệp B xảy ra tranh chấp thương mại. Trong hợp đồng giữa hai doanh nghiệp này không thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải mà sau khi tranh chấp xảy ra, hai doanh nghiệp mới thỏa thuận sử dụng phương thức này để giải quyết. Có ý kiến cho rằng, do không thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải tại hợp đồng nên hai bên sẽ không được sử dụng phương thức này để giải quyết tranh chấp.**

**Xin hỏi, ý kiến này đúng hay sai? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 6 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại như sau:

Tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thoả thuận hòa giải. Các bên có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước, sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp.

Như vậy, ý kiến nêu trên là sai. Doanh nghiệp A và doanh nghiệp B có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước trong hợp đồng hoặc sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp.

**Câu 7: Tôi tốt nghiệp Đại học Thương mại và đã công tác được 05 năm trong ngành công thương. Hiện nay tôi muốn nộp đơn tại Sở Tư pháp tỉnh A để đăng ký là hòa giải viên thương mại vụ việc. Tôi xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại?**

**Trả lời:**

Tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại được quy định tại Điều 7 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP như sau:

1. Người có đủ tiêu chuẩn sau đây thì được làm hòa giải viên thương mại:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên;

c) Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan.

2. Hòa giải viên thương mại được thực hiện hòa giải thương mại với tư cách là hòa giải viên thương mại vụ việc hoặc hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức hòa giải thương mại có thể quy định tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại của tổ chức mình cao hơn các tiêu chuẩn quy định tại mục 1 nêu trên.

4.Người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì không được làm hòa giải viên thương mại.

**Câu 8: Đề nghị cho biết việc đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc được quy định tại Điều 8 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP như sau:

1. Người có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại theo quy định muốn trở thành hòa giải viên thương mại vụ việc đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú. Trường hợp người đề nghị đăng ký là người nước ngoài thì đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó tạm trú.

2. Người đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học;

c) Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc.

Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc và công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Sở; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp hòa giải viên thương mại vụ việc thôi làm hòa giải thương mại vụ việc thì gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc. Sở Tư pháp xóa tên hòa giải viên thương mại đó khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện hòa giải viên thương mại vụ việc không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định hoặc vi phạm những hành vi bị cấm theo quy định tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP này thì thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi hòa giải viên thương mại vụ việc đăng ký. Sở Tư pháp tiến hành xem xét, xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc đó khỏi danh sách của Sở.

**Câu 9: Công ty của tôi và công ty B trong quá trình phối hợp xuất khẩu thủy sản đã có tranh chấp về việc chia lợi nhuận, hai bên đã cùng bàn bạc thỏa thuận nhưng không giải quyết được. Do đó, để ổn định hoạt động kinh doanh và giữ mối quan hệ làm ăn, tôi đã đề nghị công ty B mời hòa giải viên thương mại vụ việc để giải quyết, cả hai bên đã thống nhất và lựa chọn ông C theo danh sách hòa giải viên thương mại do Sở Tư pháp tỉnh cung cấp. Để chuẩn bị tốt nhất cho việc hòa giải tranh chấp, tôi muốn biết hòa giải viên thương mại có quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, hòa giải viên thương mại có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Hòa giải viên thương mại có các quyền sau đây:

a) Chấp nhận hoặc từ chối thực hiện hoạt động hòa giải thương mại;

b) Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến vụ tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật;

c) Được hưởng thù lao từ việc thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo thỏa thuận với các bên tranh chấp;

d) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan.

2. Hòa giải viên thương mại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại; độc lập, vô tư, khách quan, trung thực;

b) Tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội;

c) Bảo vệ bí mật thông tin về vụ tranh chấp mà mình tham gia hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòa giải;

đ) Không được đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên, không được đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan.

**Câu 10: Pháp luật quy định những hành vi nào bị cấm đối với hòa giải viên thương mại?**

**Trả lời:**

Điều 10 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định những hành vi sau đây bị cấm đối với hòa giải viên thương mại:

1. Tiết lộ thông tin về vụ việc, khách hàng mà mình biết được trong quá trình hòa giải, trừ trường hợp được các bên tranh chấp đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Vi phạm quy tắc đạo đức hòa giải viên thương mại.

3. Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ các bên ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận.

4. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 11. Hai doanh nghiệp đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Sau khi phát sinh tranh chấp, các bên đã thống nhất giải quyết bằng hòa giải thương mại. Tuy nhiên, trong hợp đồng chưa đề cập đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại. Hỏi làm cách nào để các bên có thể áp dụng hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp theo quy định?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP thì tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại nếu các bên có thỏa thuận hòa giải. Các bên có thể thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước, sau khi xảy ra tranh chấp hoặc tại bất cứ thời điểm nào của quá trình giải quyết tranh chấp.

Mặt khác Điều 11 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định: Thỏa thuận hòa giải có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng. Thỏa thuận hòa giải được xác lập bằng văn bản.

Căn cứ vào các quy định trên thì các bên có thể thỏa thuận riêng bằng văn bản về việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại sau khi phát sinh tranh chấp.

**Câu 12. Đề nghị cho biết, việc lựa chọn, chỉ định hòa giải viên thương mại được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 12 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định: hòa giải viên thương mại do các bên thỏa thuận lựa chọn từ danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại hoặc từ danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố.

Việc chỉ định hòa giải viên thương mại thông qua tổ chức hòa giải thương mại được thực hiện theo Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại.

**Câu 13. Doanh nghiệp do tôi làm giám đốc và doanh nghiệp M đang có tranh chấp thương mại khá phức tạp. Bạn tôi nói hiện có 04 phương thức giải quyết tranh chấp thương mại (thương lượng, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại và thông qua xét xử tại Tòa án) và tư vấn cho tôi nên lựa chọn phương thức hòa giải thương mại. Tôi muốn biết các ưu điểm các ưu điểm của hòa giải thương mại trong giải quyết các tranh chấp thương mại?**

**Trả lời:**

Hòa giải được xem là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hữu hiệu với nhiều ưu điểm, cụ thể như sau:

1. Lợi ích của hòa giải thương mại trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại trước hết là duy trì mối quan hệ hợp tác giữa các bên, tiết kiệm được thời gian và chi phí giải quyết tranh chấp.

2. Việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại có thủ tục đơn giản, linh hoạt và các bên tranh chấp có quyền tự quyết định việc giải quyết tranh chấp như: lựa chọn hòa giải viên thương mại, trình tự, thủ tục, thời gian, địa điểm hòa giải... Điều 12 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định các bên thỏa thuận lựa chọn hòa giải viên thương mại.

3. Phương thức giải quyết tranh chấp này có thể giữ được bí mật kinh doanh và vấn đề tranh chấp thông qua việc các bên có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải; có quyền yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.

4. Bên cạnh đó, các bên còn được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung hòa giải; có quyền tự định đoạt, lựa chọn bất kỳ người nào làm trung gian hòa giải cũng như địa điểm tiến hành hòa giải do đó có thể tìm một trung gian hòa giải có hiểu biết chuyên môn về vấn đề đang tranh chấp.

 Điều 14 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã quy định rõ các bên có quyền lựa chọn quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải hoặc tự thỏa thuận trình tự, thủ tục hòa giải. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về trình tự, thủ tục hòa giải thì hòa giải viên thương mại tiến hành hòa giải theo trình tự, thủ tục mà hòa giải viên thương mại thấy phù hợp với tình tiết vụ việc, nguyện vọng của các bên và được các bên chấp thuận. Địa điểm, thời gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo lựa chọn của hòa giải viên thương mại trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

5. Để đảm bảo kết quả hòa giải được thực thi trên thực tế, thì cần phải có cơ chế đảm bảo thi hành kết quả hòa giải thành bằng cưỡng chế nhà nước. Theo đó, Điều 15, 16 của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự và văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kết quả hòa giải ngoài Tòa án được Tòa án ra quyết định công nhận sẽ được cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự (khoản 8 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

**Câu 14. Hai doanh nghiệp đã xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa. Hai bên đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại nhưng hòa giải không thành. Xin hỏi, trong trường hợp này các bên có thể lựa chọn phương thức nào để giải quyết tranh chấp?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP thì trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Do đó, nếu không hòa giải thành thì hai doanh nghiệp trên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định.

**Câu 15. Doanh nghiệp A và B xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa. Sau khi giải quyết bằng hòa giải thương mại một thời gian, doanh nghiệp A thấy không thể hòa giải và đề nghị chấm dứt thủ tục hòa giải thương mại. Đề nghị cho biết trong trường hợp này, thủ tục hòa giải có chấm dứt không?**

**Trả lời:**

Điều 17 của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định: Thủ tục hòa giải chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Khi các bên đạt được kết quả hòa giải thành.

2. Khi hòa giải viên thương mại xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hòa giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên.

3. Theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp

Căn cứ quy định trên thì trong trường hợp này, nếu doanh nghiệp A có đề nghị chấm dứt thì thủ tục hòa giải thương mại chấm dứt.

**Câu 16. Đề nghị cho biết, tổ chức hòa giải thương mại bao gồm những tổ chức nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định của Điều 18 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, tổ chức hòa giải thương mại bao gồm: Trung tâm hòa giải thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Nghị định này và Trung tâm trọng tài được thành lập và hoạt động theo pháp luật về trọng tài thương mại thực hiện hoạt động hòa giải thương mại.

**Câu 17. Thương nhân A và thương nhân B đã hòa giải thành tranh chấp thương mại bằng phương thức hòa giải thương mại. Tuy nhiên, để có cơ chế bảo đảm thi hành kết quả hòa giải thành thì hai bên muốn được công nhận kết quả hòa giải thành. Đề nghị cho biết việc công nhận kết quả hòa giải thành trong hòa giải thương mại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định của Điều 16 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP thì văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Theo đó, Điều 416 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án như sau: *Kết quả hòa giải vụ việc ngoài Tòa án được Tòa án xem xét ra quyết định công nhận là kết quả hòa giải thành vụ việc xảy ra giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có nhiệm vụ hòa giải đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải.*

Bên cạnh đó, Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: (i) Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 417 của Bộ luật này; (ii) Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đối với trường hợp không có đủ các điều kiện quy định tại Điều 417 của Bộ luật này; (iii) Việc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ngoài Tòa án.

Điều kiện để Tòa án công nhận kết quả hòa giải ngoài Tòa án được quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau: (i) Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; (ii) Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý; (iii) Một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận; (iv) Nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba.

Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (khoản 8 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015), nhưng có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả hòa giải ngoài Tòa án được Tòa án ra quyết định công nhận sẽ được cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự (khoản 8 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Như vậy, nếu các bên tranh chấp có kết quả hòa giải thành thỏa mãn điều kiện để Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành theo Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì sẽ được Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

**Câu 18. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về tên của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm hòa giải thương mại?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP thì tên của Trung tâm hòa giải thương mại được đặt bằng tiếng Việt bao gồm cụm từ “Trung tâm hòa giải thương mại”, không trùng lặp, không gây nhầm lẫn với tên của các tổ chức hòa giải thương mại khác đã được cấp Giấy phép thành lập; không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trung tâm hòa giải thương mại có thể dùng tên viết tắt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài. Tên của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại bao gồm cụm từ “chi nhánh” và tên của Trung tâm hòa giải thương mại. Tên của văn phòng đại diện Trung tâm hòa giải thương mại bao gồm cụm từ “văn phòng đại diện” và tên của Trung tâm hòa giải thương mại.

**Câu 19. Đề nghị cho biết mối quan hệ giữa hòa giải thương mại và hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 58 Luật Trọng tài thương mại 2010, theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài.

Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được. Nếu các bên hòa giải không thành tại trọng tài thương mại thì sẽ tiếp tục giải quyết theo bằng phương thức trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại.

Trong khi đó, đối với hòa giải thương mại thì Điều 16 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định văn bản về kết quả hòa giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật về tố tụng. Theo đó, Điều 416 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Kết quả hòa giải vụ việc ngoài Tòa án được Tòa án xem xét ra quyết định công nhận là kết quả hòa giải thành vụ việc xảy ra giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có nhiệm vụ hòa giải đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải"*. Trường hợp không đạt được kết quả hòa giải thành, các bên có quyền tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật (Khoản 4 Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

**Câu 20. Đề nghị cho biết, trong văn bản về kết quả hòa giải thương mại thành cần phải có chữ ký của hòa giải viên thương mại hay không? Pháp luật quy định về các nội dung chính của văn bản về kết quả hòa giải thương mại thành như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định như sau:

1. Nội dung chính của văn bản về kết quả hòa giải thành gồm:

- Căn cứ tiến hành hòa giải: như thỏa thuận hòa giải thương mại; hợp đồng thương mại có nội dung về lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại...

- Thông tin cơ bản về các bên.

- Nội dung chủ yếu của vụ việc.

- Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện.

- Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Văn bản về kết quả hòa giải thành có chữ ký của các bên và hòa giải viên thương mại.

**Câu 21. Tôi là hòa giải viên thương mại có kinh nghiệm 05 năm công tác trong lĩnh vực này. Nay tôi muốn thành lập Trung tâm hòa giải thương mại ở thành phố H. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về thủ tục thành lập Trung tâm hòa giải thương mại?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, thủ tục thành lập Trung tâm hòa giải thương mại được quy định như sau:

1. Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy *(có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan; có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên; có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan)* muốn thành lập Trung tâm hòa giải thương mại phải gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

(i) Giấy đề nghị thành lập Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

(ii) Danh sách sáng lập viên;

(iii) Giấy tờ chứng minh sáng lập viên đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại;

(iv) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Nội dung của Quy tắc hòa giải của Trung tâm không được trái quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**Câu 22. Tôi là sáng lập viên Trung tâm hòa giải thương mại X. Sau khi tôi nhận được Quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại X, để Trung tâm đi vào hoạt, tôi phải đăng ký hoạt động cho Trung tâm? Xin hỏi, việc đăng ký hoạt động Trung tâm được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 22 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại như sau:

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở. Hết thời hạn này, nếu Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại bao gồm:

(i) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

(ii) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm;

(iii) Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hòa giải thương mại; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại cho Bộ Tư pháp.

4. Trung tâm hòa giải thương mại được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Trung tâm hòa giải thương mại được sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại phải đăng báo hằng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về những nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại;

(ii) Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại;

(iii) Số Giấy đăng ký hoạt động, cơ quan cấp, ngày, tháng, năm cấp;

(iv) Thời điểm bắt đầu hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại.

Như vậy, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở. Hết thời hạn này, nếu Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng. Ông (bà) đối chiếu với trường hợp của mình để thực hiện đúng các quy định của pháp luật nêu trên.

**Câu 23. Anh bạn tôi là Chủ tịch một Trung tâm trọng tài mới được thành lập. Bạn tôi muốn Trung tâm có thêm chức năng hòa giải thương mại. Xin hỏi, bạn tôi phải thực hiện các thủ tục gì để bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm. Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 23 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về hoạt động hòa giải thương mại của Trung tâm trọng tài như sau:

1. Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại muốn thực hiện hoạt động hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

(i) Giấy đề nghị bổ sung hoạt động hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

(ii) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

 Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Trung tâm trọng tài thực hiện đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

2. Các sáng lập viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Trung tâm trọng tài muốn Trung tâm trọng tài được đồng thời thực hiện hoạt động hòa giải thương mại thì trong hồ sơ thành lập Trung tâm trọng tài gửi kèm theo Dự thảo Quy tắc hòa giải.

3. Nội dung Quy tắc hòa giải của Trung tâm trọng tài không được trái quy định của pháp luật.

Như vậy, bạn của anh/chị muốn bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm thì cần căn cứ trình tự, thủ tục nêu trên để thực hiện.

**Câu 24. Pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức hòa giải thương mại như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 24 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức hòa giải thương mại như sau:

1. Quyền của tổ chức hòa giải thương mại:

(i) Thực hiện hoạt động hòa giải thương mại;

(ii) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên thương mại;

(iii) Thu thù lao và các khoản thu hợp pháp khác có liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại;

(iv) Xây dựng tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại và quy trình xét chọn, lập danh sách, xóa tên hòa giải viên thương mại trong danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức mình;

(v) Chỉ định hòa giải viên thương mại theo yêu cầu của các bên;

(vi) Các quyền khác theo quy định Nghị định này và pháp luật có liên quan.

 2. Nghĩa vụ của tổ chức hòa giải thương mại:

 (i) Lập, công bố danh sách hòa giải viên thương mại, gửi danh sách hòa giải viên thương mại của tổ chức mình cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hòa giải thương mại đăng ký hoạt động trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc kể từ ngày quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài có hiệu lực hoặc kể từ ngày có thay đổi về danh sách hòa giải viên thương mại.

(ii) Trả thù lao và các chi phí khác cho hòa giải viên thương mại;

(iii) Ban hành quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại;

(iv) Xây dựng, ban hành và công bố công khai Quy tắc hòa giải, mức thù lao hòa giải;

(v) Báo cáo Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký hoạt động về tổ chức, hoạt động định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu;

(vi) Lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin về kết quả hòa giải theo yêu cầu của các bên tranh chấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(vii) Các nghĩa vụ khác theo quy định Nghị định này và pháp luật có liên quan.

**Câu 25. Tôi là Chủ tịch Trung tâm trọng tài thương mại X. Do hoạt động của Trung tâm ngày càng phát triển nên tôi muốn thành lập thêm một số Chi nhánh của Trung tâm. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại?**

**Trả lời:**

Điều 25 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại như sau:

1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm hòa giải thương mại, hoạt động phù hợp với lĩnh vực hoạt động ghi trong Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại.

2. Trung tâm hòa giải thương mại chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của chi nhánh. Trung tâm hòa giải thương mại cử một hòa giải viên thương mại làm Trưởng chi nhánh.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, Trung tâm hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt chi nhánh. Hồ sơ bao gồm:

(i) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

(ii) Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh. Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại thành lập chi nhánh ở ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi Trung tâm đăng ký hoạt động, thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chi nhánh được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại thông báo bằng văn bản về việc thành lập chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi Trung tâm hòa giải thương mại đăng ký hoạt động.

5. Chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại được sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

**Câu 26. Đề nghị cho biết pháp luật quy định về thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 26 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, việc thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại được quy định như sau:

1. Trường hợp có nhu cầu thay đổi về tên gọi, địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Trung tâm hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

(i) Giấy đề nghị thay đổi theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

(ii) Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi, Bộ Tư pháp có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại có văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm, Sở Tư pháp ra quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại thực hiện đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt địa chỉ trụ sở mới. Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động thực hiện như sau:

3.1. Hồ sơ đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm;

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.

3.2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hòa giải thương mại; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại cho Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động mới, Trung tâm hòa giải thương mại có văn bản thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở. Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đã cấp cho Trung tâm.

4. Trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trung tâm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

**Câu 27. Việc cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 27 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại như sau:

1. Trường hợp Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại gửi giấy đề nghị cấp lại đến cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động để được cấp lại.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Bộ Tư pháp cấp lại Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại.

**Câu 28. Trung tâm hòa giải thương mại M thành lập văn phòng đại diện tại thành phố H nhằm tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội hoạt động hòa giải thương mại. Sau khi thành lập Văn phòng đại diện được 9 ngày làm việc, Trung tâm hòa giải thương mại M thông báo cho Sở Tư pháp thành phố H nơi thành lập văn phòng đại diện và Sở Tư pháp nơi Trung tâm M đăng ký hoạt động. Tuy nhiên, Sở Tư pháp thành phố H và Sở Tư pháp nơi Trung tâm M đăng ký hoạt động đều cho rằng Trung tâm đã vi phạm thời hạn thông báo về việc thành lập văn phòng đại diện.**

**Xin hỏi, pháp luật quy định về thời hạn thông báo về việc thành lập văn phòng đại diện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản Điều 28 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định như sau:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm, thay đổi Trưởng văn phòng đại diện, Trung tâm hòa giải thương mại gửi thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

Như vậy, Trung tâm hòa giải thương mại M đã vi phạm thời hạn thông báo thành lập văn phòng đại diện tại thành phố H.

**Câu 29. Trung tâm hòa giải thương mại do anh T làm Chủ tịch thời gian vừa qua nhận được nhiều đề nghị hòa giải các tranh chấp thương mại nên ngày càng phát triển, có uy tín trong lĩnh vực này. Do vậy, anh T muốn thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện Trung tâm ở nước ngoài. Anh T muốn biết pháp luật quy định về chi nhánh, văn phòng đại diện Trung tâm hòa giải thương mại thành lập ở nước ngoài như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 29 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về chi nhánh, văn phòng đại diện Trung tâm hòa giải thương mại thành lập ở nước ngoài như sau:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Trung tâm hòa giải thương mại ở nước ngoài hoặc kể từ ngày chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, Trung tâm hòa giải thương mại thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

**Câu 30. Việc thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 30 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại như sau:

1. Trung tâm hòa giải thương mại bị thu hồi Giấy phép thành lập trong các trường hợp sau đây:

(i) Trung tâm hòa giải thương mại có hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà tái phạm;

(ii) Trung tâm hòa giải thương mại không tiến hành bất kỳ hoạt động hòa giải thương mại nào trong vòng 05 năm liên tục kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập;

(iii) Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập có hiệu lực, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện Trung tâm hòa giải thương mại thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập thì thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp tiến hành xem xét, xác minh. Trường hợp phát hiện Trung tâm hòa giải thương mại thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập theo Khoản 1 Điều này thì Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Giấy phép thành lập, trong đó nêu rõ lý do kèm theo các giấy tờ chứng minh (nếu có).

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp có hiệu lực, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

4. Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại có hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà tái phạm thì bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh thực hiện việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động.